

**BẢNG GIÁ ĐẤT KHU VỰC 17**  
(Cho các xã Sóc Sơn, Nội Bài, Trung Giã, Đa Phúc, Kim Anh)

Đơn vị tính: 1000đ/m<sup>2</sup>

| TT         | Tên đường phố                                                                                                                                                               | Giá đất ở |        |        |        | Giá đất thương mại, dịch vụ |       |       |       | Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ |       |       |       |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------|--------|--------|-----------------------------|-------|-------|-------|----------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|
|            |                                                                                                                                                                             | VT1       | VT2    | VT3    | VT4    | VT1                         | VT2   | VT3   | VT4   | VT1                                                                              | VT2   | VT3   | VT4   |
| <b>I</b>   | <b>Quốc lộ</b>                                                                                                                                                              |           |        |        |        |                             |       |       |       |                                                                                  |       |       |       |
| 1          | Quốc lộ 2:                                                                                                                                                                  |           |        |        |        |                             |       |       |       |                                                                                  |       |       |       |
| 1.1        | - Đoạn từ ngã 3 giao cắt Quốc lộ 3 đến cây xăng Phú Minh, thôn Thắng Lợi                                                                                                    | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 441                       | 4 765 | 3 476 | 2 686 | 4 129                                                                            | 3 083 | 2 325 | 1 796 |
| 1.2        | - Đoạn từ Quốc Lộ 2 vào sân bay Nội Bài                                                                                                                                     | 15 180    | 11 537 | 9 108  | 8 418  | 5 477                       | 4 090 | 2 984 | 2 306 | 3 544                                                                            | 2 646 | 1 996 | 1 542 |
| 1.3        | - Đoạn từ xã Nội Bài mới đến hết địa bàn thành phố Hà Nội                                                                                                                   | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 162                       | 4 601 | 3 357 | 2 595 | 3 987                                                                            | 2 977 | 2 246 | 1 735 |
| 2          | Quốc lộ 3:                                                                                                                                                                  |           |        |        |        |                             |       |       |       |                                                                                  |       |       |       |
| 2.1        | - Đường Quốc lộ 3 qua địa phận xã Sóc Sơn mới (điểm đầu tại ngã 4 xã Sóc Sơn mới đến địa phận thôn Phù Mã, xã Sóc Sơn mới)                                                  | 30 360    | 20 948 | 16 284 | 14 904 | 9 970                       | 6 980 | 4 629 | 3 702 | 6 450                                                                            | 4 516 | 3 096 | 2 477 |
| 2.2        | - Đoạn thuộc các xã Sóc Sơn mới, Trung Giã mới                                                                                                                              | 18 975    | 14 042 | 11 040 | 10 178 | 7 002                       | 5 157 | 3 756 | 2 897 | 4 529                                                                            | 3 337 | 2 512 | 1 938 |
| 2.3        | - Đoạn từ Sông Cà Lồ địa phận xã Sóc Sơn đến hết xã Sóc Sơn (không bao gồm đường Ngô Chi Lan)                                                                               | 23 909    | 16 964 | 13 248 | 12 179 | 7 595                       | 5 672 | 4 137 | 3 197 | 4 914                                                                            | 3 669 | 2 767 | 2 138 |
| <b>II</b>  | <b>Tỉnh lộ</b>                                                                                                                                                              |           |        |        |        |                             |       |       |       |                                                                                  |       |       |       |
| 3          | Đường 131 (không bao gồm đoạn đường Đa Phúc và đường Núi Đôi; điểm đầu từ địa phận xã Sóc Sơn mới, điểm cuối kết thúc tại đường Quốc lộ 2, địa phận xã Nội Bài mới):        |           |        |        |        |                             |       |       |       |                                                                                  |       |       |       |
| 3.1        | - Đoạn điểm đầu từ Ngã tư giao đường Quốc lộ 2 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến ngã ba giao với đường Nội Bài                                                        | 14 421    | 10 960 | 8 653  | 7 997  | 5 112                       | 3 817 | 2 784 | 2 151 | 3 308                                                                            | 2 469 | 1 862 | 1 439 |
| 3.2        | - Đoạn từ Trường đại học đại học thủ đô Hà Nội đến doanh trại Quân đội nhân dân Việt Nam xã Sóc Sơn                                                                         | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 381                       | 4 765 | 3 476 | 2 686 | 4 129                                                                            | 3 083 | 2 325 | 1 796 |
| 4          | Tỉnh lộ 35                                                                                                                                                                  | 16 632    | 12 474 | 9 828  | 9 072  | 5 894                       | 4 401 | 3 211 | 2 482 | 3 987                                                                            | 2 977 | 2 246 | 1 735 |
| <b>III</b> | <b>Đường địa phương</b>                                                                                                                                                     |           |        |        |        |                             |       |       |       |                                                                                  |       |       |       |
| 5          | Đường 131 đi qua Trung đoàn 921, qua thôn Đông Lai, xã Nội Bài; điểm cuối giao với đường nối đường 131 (Đại học Hà Nội) đi xã Kim Anh mới, đến cầu Thái Lai, xã Kim Anh mới | 4 950     | 3 861  | 3 060  | 2 829  | 1 406                       | 1 097 | 888   | 821   | 1 175                                                                            | 916   | 767   | 709   |
| 6          | Đường 131 điểm đầu từ đường 131 (điểm rẽ vào UBND xã Quang Tiến cũ) đến hết địa phận xã Hiền Ninh cũ                                                                        | 10 527    | 8 211  | 6 508  | 6 029  | 3 632                       | 2 654 | 1 946 | 1 622 | 2 457                                                                            | 1 796 | 1 361 | 1 134 |
| 7          | Đường 14:<br>Từ Đường 35 đến Sân Hanoi Golf Club Sóc Sơn                                                                                                                    | 14 421    | 10 960 | 8 653  | 7 997  | 5 112                       | 3 817 | 2 784 | 2 151 | 3 308                                                                            | 2 469 | 1 862 | 1 439 |

| TT | Tên đường phố                                                                                                                                                                                                                         | Giá đất ở |        |        |        | Giá đất thương mại, dịch vụ |       |       |       | Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ |       |       |       |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------|--------|--------|-----------------------------|-------|-------|-------|----------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                       | VT1       | VT2    | VT3    | VT4    | VT1                         | VT2   | VT3   | VT4   | VT1                                                                              | VT2   | VT3   | VT4   |
| 8  | Đường 35 - Phú Hạ - Thanh Sơn (điểm đầu từ đường 35 đi qua thôn Phú Hạ, xã Kim Anh mới, qua trường Mầm non xã Kim Anh mới, UBND xã Kim Anh mới, điểm cuối tại cổng trường Tiểu học xã Kim Anh mới                                     | 4 950     | 3 861  | 3 060  | 2 829  | 1 406                       | 1 097 | 888   | 821   | 1 175                                                                            | 916   | 767   | 709   |
| 9  | Đường 35 - Vĩnh Hà - hồ Đồng Quan (điểm đầu tại đường 35 đi qua thôn Vĩnh Hà, xã Nam Sơn, điểm cuối giao với Đường đền Sóc đi hồ Đồng Quan nối đường 131)                                                                             | 16 632    | 12 474 | 9 828  | 9 072  | 5 894                       | 4 401 | 3 211 | 2 482 | 3 987                                                                            | 2 977 | 2 246 | 1 735 |
| 10 | Đường 35 đi qua Nhà Văn hóa thôn Hiền Lương, qua trụ sở UBND xã Hiền Ninh cũ, qua thôn Yên Ninh, thôn Tân Thái, xã Nội Bài đến đường băng cũ                                                                                          | 10 164    | 7 928  | 6 283  | 5 821  | 2 794                       | 2 042 | 1 498 | 1 248 | 1 890                                                                            | 1 381 | 1 047 | 872   |
| 11 | Đường Đa Phúc                                                                                                                                                                                                                         | 25 960    | 18 017 | 14 072 | 12 919 | 9 021                       | 6 409 | 4 108 | 3 760 | 5 836                                                                            | 4 147 | 2 618 | 2 300 |
| 12 | Đường Đền Sóc (Từ ngã ba giao cắt Quốc lộ 3 tại thôn Vệ Linh, xã Sóc Sơn đến cổng di tích đền Sóc, thôn Vệ Linh, xã Sóc Sơn)                                                                                                          | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 381                       | 4 765 | 3 476 | 2 686 | 4 129                                                                            | 3 083 | 2 325 | 1 796 |
| 13 | Đường Dục Hạ (Cho đoạn từ ngã ba giao quốc lộ 3 tại địa phận Xóm Ngoài, thôn Dục Hạ đến ngã ba giao cắt đường ra khu tái định cư Tiên Dục - Sóc Sơn tại cổng Lữ đoàn 971)                                                             | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 381                       | 4 765 | 3 476 | 2 686 | 4 129                                                                            | 3 083 | 2 325 | 1 796 |
| 14 | Đường Khuông Việt                                                                                                                                                                                                                     | 25 960    | 18 017 | 14 072 | 12 919 | 9 021                       | 6 409 | 4 108 | 3 760 | 5 836                                                                            | 4 147 | 2 618 | 2 300 |
| 15 | Đường Lưu Nhân Chú                                                                                                                                                                                                                    | 25 960    | 18 017 | 14 072 | 12 919 | 9 021                       | 6 409 | 4 108 | 3 760 | 5 836                                                                            | 4 147 | 2 618 | 2 300 |
| 16 | Đường Ngô Chi Lan                                                                                                                                                                                                                     | 30 360    | 20 948 | 16 284 | 14 904 | 9 970                       | 6 980 | 4 629 | 3 760 | 6 450                                                                            | 4 516 | 3 096 | 2 477 |
| 17 | Đường Nội Bài (Từ ngã tư giao cắt quốc lộ 3 và đường đi xã Sóc Sơn mới tại thôn Dục Hạ, xã Sóc Sơn đến ngã ba giao cắt đường Tỉnh lộ 131 tại xã Sóc Sơn)                                                                              | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 381                       | 4 765 | 3 476 | 2 686 | 4 129                                                                            | 3 083 | 2 325 | 1 796 |
| 18 | Đường nối Khu đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp (điểm đầu tại nút giao với đường Quốc lộ 18, đi qua thôn Mai Nội, thôn mai Đoài, xã Sóc Sơn mới, đi qua Khu Tái định cư Tiên Dục - xã Sóc Sơn mới, điểm cuối giao với đường 131 | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 381                       | 4 765 | 3 476 | 2 686 | 4 129                                                                            | 3 083 | 2 325 | 1 796 |
| 19 | Đường nối Quốc lộ 3 - Cụm công nghiệp tập trung Sóc Sơn (điểm đầu tại Quốc lộ 3, đi qua cánh đồng Xóm Ngoài, thôn Dục Hạ, qua thôn Hương Đình, xã Sóc Sơn và Cụm công nghiệp CN3 nối với đường Nội Bài).                              | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 381                       | 4 765 | 3 476 | 2 686 | 4 129                                                                            | 3 083 | 2 325 | 1 796 |

| TT | Tên đường phố                                                                                                                                                                                                       | Giá đất ở |        |        |        | Giá đất thương mại, dịch vụ |       |       |       | Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ |       |       |       |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------|--------|--------|-----------------------------|-------|-------|-------|----------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|
|    |                                                                                                                                                                                                                     | VT1       | VT2    | VT3    | VT4    | VT1                         | VT2   | VT3   | VT4   | VT1                                                                              | VT2   | VT3   | VT4   |
| 20 | Đường nối Tỉnh lộ 131 - Đồng Giá - Hiền Lương - nhánh đi Nam Cương (Điểm đầu tại đường 131 đi thôn Đồng Giá, xã Nội Bài và thôn Hiền Lương, xã Nội Bài; điểm cuối tại Đường 35 đi qua xã Nội Bài đến đường băng cũ. | 10 164    | 7 928  | 6 283  | 5 821  | 2 794                       | 2 042 | 1 498 | 1 248 | 1 890                                                                            | 1 381 | 1 047 | 872   |
| 21 | Đường nối từ đường Võ Văn Kiệt đến điểm giao cắt giữa đường dẫn nút giao phía Nam Quốc lộ 18 với đường Võ Nguyên Giáp                                                                                               | 14 421    | 10 960 | 8 653  | 7 997  | 5 112                       | 3 817 | 2 784 | 2 151 | 3 308                                                                            | 2 469 | 1 862 | 1 439 |
| 22 | Đường Núi Đồi                                                                                                                                                                                                       | 25 960    | 18 017 | 14 072 | 12 919 | 9 021                       | 6 409 | 4 108 | 3 760 | 5 836                                                                            | 4 147 | 2 618 | 2 300 |
| 23 | Đường Núi Đồi đi UBND xã Bắc Phú cũ                                                                                                                                                                                 | 10 527    | 8 211  | 6 508  | 6 029  | 3 632                       | 2 654 | 1 946 | 1 622 | 2 457                                                                            | 1 796 | 1 361 | 1 134 |
| 24 | Đường Phù Lỗ - Đồ Lo (đường 16)                                                                                                                                                                                     | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 381                       | 4 765 | 3 476 | 2 686 | 4 129                                                                            | 3 083 | 2 325 | 1 796 |
| 25 | Đường Quốc lộ 2 đi Cầu Đò So (thuộc xã Nội Bài mới)                                                                                                                                                                 | 12 342    | 9 503  | 7 517  | 6 956  | 4 454                       | 3 415 | 2 500 | 1 937 | 3 012                                                                            | 2 309 | 1 748 | 1 354 |
| 26 | Đường Quốc lộ 3 - Kim Sơn - Đường 35 (điểm đầu tại Quốc lộ 3 đi thôn Kim Sơn, xã Trung Giã mới đến đường Tỉnh lộ 35)                                                                                                | 14 421    | 10 960 | 8 653  | 7 997  | 5 112                       | 3 817 | 2 784 | 2 151 | 3 308                                                                            | 2 469 | 1 862 | 1 439 |
| 27 | Đường Quốc lộ 3 đi tập thể quân đội 143 - 418 - Xuân Tinh                                                                                                                                                           | 16 632    | 12 474 | 9 828  | 9 072  | 5 894                       | 4 401 | 3 211 | 2 482 | 3 987                                                                            | 2 977 | 2 246 | 1 735 |
| 28 | Đường Quốc lộ 3 đi Trung tâm sát hạch lái xe (đoạn qua thôn Miếu Thờ, thôn Đồng Lạc). Kết thúc tại điểm giao với đường Quốc lộ 3 đi Trung tâm sát hạch lái xe đi Thá                                                | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 381                       | 4 765 | 3 476 | 2 686 | 4 129                                                                            | 3 083 | 2 325 | 1 796 |
| 29 | Đường quốc Lộ 3 đi Trung tâm sát hạch lái xe đi qua thôn Thanh Huệ, xã Đa Phúc mới kết thúc tại điểm giao với Đường 16 qua xã Đa Phúc mới đến cổng Thá                                                              | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 381                       | 4 765 | 3 476 | 2 686 | 4 129                                                                            | 3 083 | 2 325 | 1 796 |
| 30 | Đường Quốc lộ 3 đi Trường Cao đẳng công nghệ và kinh tế Hà Nội                                                                                                                                                      | 17 457    | 13 093 | 10 316 | 9 522  | 6 381                       | 4 765 | 3 476 | 2 686 | 4 129                                                                            | 3 083 | 2 325 | 1 796 |
| 31 | Đường Thân Nhân Chung                                                                                                                                                                                               | 25 960    | 18 017 | 14 072 | 12 919 | 9 021                       | 6 409 | 4 108 | 3 760 | 5 836                                                                            | 4 147 | 2 618 | 2 300 |
| 32 | Đường Trần Thị Bắc (Từ ngã ba giao đường Ngô Chi Lan đối diện trụ sở Công an cơ sở Sóc Sơn (tổ dân phố 5 xã Sóc Sơn mới) đến ngã ba giao cắt tại ngõ 60 đường Núi Đồi (tổ dân phố 2 xã Sóc Sơn))                    | 25 960    | 18 017 | 14 072 | 12 919 | 9 021                       | 6 409 | 4 108 | 3 760 | 5 836                                                                            | 4 147 | 2 618 | 2 300 |
| 33 | Đường trục chính liên thôn xã Kim Anh (điểm đầu từ cầu Thái Lai, xã Minh Trí cũ đi theo kênh làng Lập Trí đến địa phận phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ)                                                               | 4 950     | 3 861  | 3 060  | 2 829  | 1 406                       | 1 097 | 888   | 821   | 1 175                                                                            | 916   | 767   | 709   |
| 34 | Đường từ đền Sóc đi qua đập Đồng Quan đến đường 131                                                                                                                                                                 | 16 632    | 12 474 | 9 828  | 9 072  | 5 894                       | 4 401 | 3 211 | 2 482 | 3 987                                                                            | 2 977 | 2 246 | 1 735 |
| 35 | Đường từ đường 16 đi qua thôn Thượng và thôn Đức Hậu, xã Đa Phúc mới đến ngã tư khu Thá, xã Đa Phúc mới                                                                                                             | 12 342    | 9 503  | 7 517  | 6 956  | 4 454                       | 3 415 | 2 500 | 1 937 | 3 012                                                                            | 2 309 | 1 748 | 1 354 |

| TT | Tên đường phố                                                                                                                                                                                                                                                                               | Giá đất ở |        |        |        | Giá đất thương mại, dịch vụ |       |       |       | Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ |       |       |       |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------|--------|--------|-----------------------------|-------|-------|-------|----------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                             | VT1       | VT2    | VT3    | VT4    | VT1                         | VT2   | VT3   | VT4   | VT1                                                                              | VT2   | VT3   | VT4   |
| 36 | Đường từ đường 35 đi xã Trung Giã mới (điểm đầu tại đường 35, địa phận xã Trung Giã mới (Hồng Kỳ cũ); điểm cuối kết thúc tại: đường từ ngã ba Đông Lương - Đồng Mai đi xã Thành Công, Thái Nguyên):<br>+ Đoạn từ Cầu Lai đến ngã ba Đông Lương - Đồng Mai đi xã Thành Công tỉnh Thái Nguyên | 10 164    | 7 928  | 6 283  | 5 821  | 2 794                       | 2 042 | 1 498 | 1 248 | 1 890                                                                            | 1 381 | 1 047 | 872   |
| 37 | Đường từ đường 35 đi xã Trung Giã mới (điểm đầu tại đường 35, địa phận xã Trung Giã mới (Hồng Kỳ cũ); điểm cuối kết thúc tại: đường từ ngã ba Đông Lương - Đồng Mai đi xã Thành Công, Thái Nguyên):<br>+ Đoạn từ điểm đầu đường 35 đến Cầu Lai                                              | 12 342    | 9 503  | 7 517  | 6 956  | 4 454                       | 3 415 | 2 500 | 1 937 | 3 012                                                                            | 2 309 | 1 748 | 1 354 |
| 38 | Đường từ đường Núi Đồi đi đến cổng Thá, xã Đa Phúc mới                                                                                                                                                                                                                                      | 19 965    | 14 574 | 11 435 | 10 527 | 6 889                       | 4 712 | 3 419 | 2 831 | 4 660                                                                            | 3 187 | 2 391 | 1 980 |
| 39 | Đường từ đường Quốc lộ 2 (qua trường THPT Kim Anh) đi cầu Thống Nhất                                                                                                                                                                                                                        | 12 342    | 9 503  | 7 517  | 6 956  | 4 454                       | 3 415 | 2 500 | 1 937 | 3 012                                                                            | 2 309 | 1 748 | 1 354 |
| 40 | Đường từ ngã 3 trạm điện thôn Dược Hạ (điểm đầu giao với đường QL 3 đi Trung tâm sát hạch lái xe đi Thá) đi qua nhà văn hóa thôn Thượng xã Sóc Sơn nối Đường 16                                                                                                                             | 5 610     | 4 950  | 3 900  | 3 300  | 1 594                       | 1 406 | 1 132 | 958   | 1 331                                                                            | 1 175 | 977   | 827   |
| 41 | Đường từ ngã ba chợ Chấu - Đô Tân đi xã Thành Công mới, Thái Nguyên                                                                                                                                                                                                                         | 4 620     | 3 960  | 3 000  | 2 400  | 1 312                       | 1 125 | 870   | 696   | 1 096                                                                            | 940   | 752   | 601   |
| 42 | Đường từ ngã ba Đô Lương - Đồng Mai đi xã Thành Công, Thái Nguyên                                                                                                                                                                                                                           | 4 620     | 3 960  | 3 000  | 2 400  | 1 312                       | 1 125 | 870   | 696   | 1 096                                                                            | 940   | 752   | 601   |
| 43 | Đường từ ngã ba thôn Tiên Chu, xã Trung Giã mới đến ngã tư công trường FAO, thôn Phúc Xuân, xã Trung Giã mới                                                                                                                                                                                | 7 927     | 6 910  | 5 820  | 5 580  | 2 043                       | 1 613 | 1 248 | 1 123 | 1 381                                                                            | 1 091 | 872   | 778   |
| 44 | Đường từ ngã ba thôn Yên Tàng (Trạm TBA Yên Tàng 4) đến đê Hữu Cầu (Trạm bơm Đông Bắc)                                                                                                                                                                                                      | 9 570     | 7 465  | 5 916  | 5 481  | 3 302                       | 2 413 | 1 769 | 1 474 | 2 457                                                                            | 1 796 | 1 361 | 1 134 |
| 45 | Đường từ ngã tư Thá đến UBND xã Xuân Giang cũ, UBND xã Việt Long cũ                                                                                                                                                                                                                         | 12 342    | 9 503  | 7 517  | 6 956  | 4 454                       | 3 415 | 2 500 | 1 937 | 3 012                                                                            | 2 309 | 1 748 | 1 354 |
| 46 | Đường từ Quốc lộ 2 đi Kim Anh, Xuân Hòa                                                                                                                                                                                                                                                     | 12 342    | 9 503  | 7 517  | 6 956  | 4 454                       | 3 415 | 2 500 | 1 937 | 3 012                                                                            | 2 309 | 1 748 | 1 354 |
| 47 | Đường từ thôn Minh Tân (điểm đầu tại đập Bến Rủ) nối với đường Quốc lộ 2 đi Minh Trí - Xuân Hòa                                                                                                                                                                                             | 4 950     | 3 861  | 3 060  | 2 829  | 1 406                       | 1 097 | 888   | 821   | 1 175                                                                            | 916   | 767   | 709   |
| 48 | Đường từ UBND xã Bắc Phú cũ đến UBND xã Tân Hưng cũ                                                                                                                                                                                                                                         | 9 570     | 7 465  | 5 916  | 5 481  | 3 302                       | 2 413 | 1 769 | 1 474 | 2 457                                                                            | 1 796 | 1 361 | 1 134 |
| 49 | Đường vành đai thị trấn (từ điểm đầu nối với đường Quốc lộ 3, đi qua Trường THPT Lạc Long Quân đến đường Núi Đồi)                                                                                                                                                                           | 18 975    | 14 042 | 11 040 | 10 178 | 7 002                       | 5 157 | 3 756 | 2 897 | 4 529                                                                            | 3 337 | 2 512 | 1 938 |

| TT        | Tên đường phố                                                                                | Giá đất ở |        |       |       | Giá đất thương mại, dịch vụ |       |       |       | Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ |       |       |       |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------|-------|-------|-----------------------------|-------|-------|-------|----------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|
|           |                                                                                              | VT1       | VT2    | VT3   | VT4   | VT1                         | VT2   | VT3   | VT4   | VT1                                                                              | VT2   | VT3   | VT4   |
| 50        | Đường Võ Nguyên Giáp:<br>- Từ sân bay Nội Bài hướng đi cầu Thăng Long đoạn qua thôn Diền Xá  | 14 421    | 10 960 | 8 653 | 7 997 | 5 112                       | 3 817 | 2 784 | 2 151 | 3 308                                                                            | 2 469 | 1 862 | 1 439 |
| 51        | Đường Võ Văn Kiệt:<br>- Đoạn qua xã Nội Bài                                                  | 14 421    | 10 960 | 8 653 | 7 997 | 5 112                       | 3 817 | 2 784 | 2 151 | 3 308                                                                            | 2 469 | 1 862 | 1 439 |
| 52        | Quốc lộ 3 - Cầu Vát                                                                          | 16 632    | 12 474 | 9 828 | 9 072 | 5 894                       | 4 401 | 3 211 | 2 482 | 3 987                                                                            | 2 977 | 2 246 | 1 735 |
| 53        | Quốc lộ 3 đi thôn thống nhất (đoạn Chợ Nỹ)                                                   | 16 632    | 12 474 | 9 828 | 9 072 | 5 894                       | 4 401 | 3 211 | 2 482 | 3 987                                                                            | 2 977 | 2 246 | 1 735 |
| 54        | Tuyến đường nối đường 131 (Đại học Hà Nội) đi xã Kim Anh mới đến cầu Thái Lai xã Kim Anh mới | 4 950     | 3 861  | 3 060 | 2 829 | 1 406                       | 1 097 | 888   | 821   | 1 175                                                                            | 916   | 767   | 709   |
| <b>IV</b> | <b>Khu dân cư nông thôn</b>                                                                  |           |        |       |       |                             |       |       |       |                                                                                  |       |       |       |
| 1         | Xã Đa Phúc                                                                                   | 2 360     |        |       |       | 838                         |       |       |       | 635                                                                              |       |       |       |
| 2         | Xã Trung Giã                                                                                 | 2 595     |        |       |       | 921                         |       |       |       | 699                                                                              |       |       |       |
| 3         | Xã Kim Anh                                                                                   | 2 595     |        |       |       | 921                         |       |       |       | 699                                                                              |       |       |       |
| 4         | Xã Nội Bài                                                                                   | 3 250     |        |       |       | 1 154                       |       |       |       | 874                                                                              |       |       |       |
| 5         | Xã Sóc Sơn                                                                                   | 3 250     |        |       |       | 1 154                       |       |       |       | 874                                                                              |       |       |       |